THIẾT BỊ ĐO ĐIỆN TRỞ ĐẤT VÀ ĐIỆN TRỞ SUẤT CỦA ĐẤT

MRU-11

Index: WMGBMRU11

IP67 | CAT III 300 V

ĐO ĐIỆN TRỞ ĐẤT VÀ ĐIỆN TRỞ SUẤT CỦA ĐẤT DỄ DÀNG

Đo điện trở suất của đất mà không cần chuyển đổi thủ công

>20 mA

Phép đo dòng điện rò

Đo điện trở đất

- **Phương pháp đo 3 cọc và 4 dây** – Đo hệ điện trở hệ thống nối đất sử dụng que đo phụ
- **Phương pháp 2 cọc**
- **Đo điện trở suất của đất** – Phương pháp Wenner

Tính năng

- Đo điện trở của cọc phụ R_H và R_S
- Đo điện áp nhiễu tới 100 V
- Chỉ báo tình trạng Pin
- Tùy chọn điện áp đo tối đa (25 V và 50 V)
- Tính năng tự động tắt

Tổng quan

MRU-11 là thiết bị đo đơn giản giúp đo điện trở đất sử dụng phương pháp điện áp rơi (3 cọc và 4 dây) và đo điện trở suất của đất bằng phương pháp Wenner, là thiết bị dễ sử dụng, khả năng chống nhiễu và có độ chính xác cao.

MRU-11 cho phép kiểm tra chất lượng hệ thống nối đất dựa trên kết quả đo điện trở thu được. Với thiết kế vừa tay, vỏ bền, chắc chắn với màn hình lớn và sắc nét giúp thiết bị trở nên lý tưởng để sử dụng tại hiện trường và các môi trường làm việc khác. Thiết bị hoạt động đơn giản, trực quan, trở thành sự lựa chọn hoàn hảo cho các nhà thầu lắp đặt điện, kỹ thuật viên và chuyên gia trong việc thực hiện các phép đo nối đất.

Thông số kĩ thuật

Tính năng đo	Dải đo	Dải hiển thị	Độ phân dải	Độ chính xác ±(% m.v. + digits)
Điện áp nhiễu	0 V…100 V	0 V…100 V	1 V	±(10% m.v. + 1 digit)
Điện trở đất				
Phương pháp đo 2 cọc	0.00…9999 Ω	0.00…9999 Ω	Từ 0.01 Ω	Từ ±(3% m.v. + 3 digits)
Phương pháp đo 3 cọc - 4 dây	0.53…9999 Ω Theo EN 61557-5	0.00…9999 Ω	Từ 0.01 Ω	Từ ±(3% m.v. + 3 digits)
Điện trở cọc phụ	0 Ω…19.9 kΩ	0 Ω…19.9 kΩ	Từ 1 Ω	±(5% m.v. + 8 digits)
Đo điện trở suất của đất	0.0 Ωm…999 kΩm	0.0 Ωm…999 kΩm	Từ 0.1 Ωm	Phụ thuộc vào độ chính xác của phép đo R_E 4p, nhưng không ít hơn 1 digit

Điều kiện hoạt động và an toàn

Cấp đo lường theo EN 61010	III 300 V
Cấp bảo vệ	IP67
Cấp cách điện theo EN 61010-1 và IEC 61557	double
Kích thước	221 x 102 x 62 mm 8.7” x 4.0” x 2.4”
Khối lượng	ca. 660 g ca. 1.4 lbs
Nhiệt độ làm việc	-10…+50°C 14...122°F
Nhiệt độ lưu trữ	-20…+60°C -2...+140°F
Độ ẩm hoạt động	20…90%
Nhiệt độ tham chiếu	23 ± 2°C 73.4°F ± 3.6°F
Độ ẩm tham chiếu	40%…60%

Thông tin bổ sung

Tiêu chuẩn chất lượng, thiết kế và sản xuất	ISO 9001
Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn EMC (Tương thích điện từ trong môi trường công nghiệp) Theo	EN 61326-1 EN 61326-2-2

Phụ kiện tiêu chuẩn

Kẹp cá sấu xanh, 1 kV, 20 A

WAKROBU20K02

Kẹp cá sấu đen, 1 kV, 20 A

WAKROBL20K01

4 x Cọc tiếp địa 25 cm

WASONG25

Dây đo 15 m, xanh (giắc chuối, kèm khung quấn chữ H)

WAPRZ015BUBBN

Dây đo 15 m, đỏ (giắc chuối, kèm khung quấn chữ H)

WAPRZ015REBBN

Dây đo 30 m, vàng (giắc chuối, kèm khung quấn chữ H)

WAPRZ030YEBBN

Dây đo 2.2 m, xanh, 1 kV (giắc chuối)

WAPRZ2X2BUBB

Dây đo 2.2 m, đen, 1 kV (giắc chuối)

WAPRZ2X2BLBB

4 x Pin alkaline 1.5 V AA, LR6

Dây đeo M1

WAPOZSZE4

Móc treo M1

WAPOZUCH1

Túi đựng M6

WAFUTM6

Giấy chứng nhận hiệu chuẩn nhà máy

Phụ kiện tùy chọn

Cọc tiếp địa 30 cm

WASONG30

Dây đo 100 m, đỏ, cho MRU (giắc chuối, khung quấn)

WAPRZ100REBBSZ

Dây đo 200 m, vàng, cho MRU (giắc chuối, khung quấn)

WAPRZ200YEBBSZ

Cọc tiếp địa 80 cm

WASONG80V2

Dây đo 25 m,cho MRU (giắc chuối, khung quấn), đỏ

WAPRZ025REBBSZ

Dây đo 50 m cho MRU (giắc chuối, khung quấn), vàng

WAPRZ050YEBBSZ

Kẹp, giắc chuối

WAZACIMA1

Túi L3 cho đầu cực 80 cm

WAFUTL3

Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của phòng thí nghiệm độc lập